

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 427 /2021/HNGĐ-ST

Ngày : 02 - 6 - 2021

V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn

Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa :* Bà Trần Thị Thu Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Năm
2. Bà Trần Thị Bảo Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-DS ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: đường C, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường C, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/12/2020, bản khai ngày 19/01/2021 và ngày 22/3/2021, biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 và ngày 22/4/2021, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị H tự nguyện sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/8/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông Q có lời lẽ xúc phạm đến gia đình bà H; ông Q thường hay đổ sự tức giận lên các con, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái; ông Q ghen tuông không kiểm soát. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Q.

*Về con chung:* Ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Nguyễn Quang M sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Minh M sinh ngày 11/9/2011.

Trong trường hợp ly hôn: Bà H đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Quang M và Nguyễn Minh M cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà H xác nhận không có.

*Tại bản khai đề ngày 21/01/2021 và ngày 22/3/2021, biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 và ngày 22/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng không tránh khỏi mâu thuẫn, tuy nhiên, vì tương lai các con, ông không đồng ý ly hôn với bà H, ông Q mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình đoàn tụ để cho con yên tâm học hành.

*Về con chung:* Ông Q và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Quang M sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Minh M sinh ngày 11/9/2011. Trong trường hợp ly hôn, ông Q đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quang M và Nguyễn Minh M, ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Ông Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Ông Q xác nhận không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Q. Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà không còn tình cảm vợ chồng và không thể hàn gắn được hạnh phúc với ông Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Q. Vợ chồng bà H và ông Q chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy hôn nhân của ông Q và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay phía bị đơn ông Q không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung đề nghị: Giao 02 con chung Nguyễn Quang M và Nguyễn Minh M cho ông Nguyễn Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H đến khi ông Q có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Về nợ chung: Bà H và ông Q xác nhận không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không đến để tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 225/2008, quyển số 01 ngày 21/8/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Q: Xét quá trình chung sống, ông Q và bà H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H trình bày là do ông Q có lời lẽ xúc phạm đến gia đình bà H; ông Q thường hay đổ sự tức giận lên các con, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái; ông Q ghen tuông không kiểm soát. Bà xác nhận vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thể hàn gắn được vì không còn tình cảm.

Ông Q trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Vì tương lai các con, ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà H và ông Q đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà H đã có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay phía bị đơn ông Q cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

*Về con chung:* Ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Nguyễn Quang M sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Minh M sinh ngày 11/9/2011. Xét sự thỏa thuận của các đương sự, bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông Q nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Q và bà H tự thỏa thuận, bà H không cấp dưỡng nuôi con, ông Q đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 con chung là Nguyễn Quang M và Nguyễn Minh M cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa

thuận, ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là hợp lý, có cơ sở, phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về tài sản chung:* Ông Q và bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về nợ chung:* Bà H và ông Q xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 225/2008, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2008).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q có 02 con chung tên Nguyễn Quang M sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Minh M sinh ngày 11/9/2011. Giao con chung Nguyễn Quang M và Nguyễn Minh M cho ông Nguyễn Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H đến khi ông Q có yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng bà H không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà H và ông Q xác nhận không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0044833 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 4, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiệp**